TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAI
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 24/07/2018
*V/v Ly hôn.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN – THÁI NGUYÊN**
**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

+ ***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*** Ông Hoàng Kim Tuấn.

+ ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1 – Ông Lý Ba Duy.

2 – Ông Ma Văn Đủ.

**Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà**: Bà Phạm Thùy Dung.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN – Thái Nguyên tham gia phiên toà:** Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 07 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2018/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 06 năm 2018 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 11/07/2018 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Chị Trần Thị V - Sinh năm 1990.**

Nơi đăng ký hộ khẩu TT: ĐQ – DT – VN - Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: T - TL – TK - Nghệ An.

Dân tộc: Kinh; Văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân. (Có mặt).

***Bị đơn: Anh Đàm Văn Th – Sinh năm 1986.**

Địa chỉ: ĐQ – DT – VN - Thái Nguyên.

Dân tộc: Cao Lan; Văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. (Có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị V trình bày: Chị và anh Đàm Văn Th kết hôn với nhau năm 2009, có được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL – huyện TK - tỉnh Nghệ An. Quá trình chung sống chị và anh Th có 02 con chung là cháu Đàm Nhật A1 – Sinh ngày 08/12/2010 và cháu Đàm Thị A2- Sinh ngày 29/6/2012.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Th không có tài sản chung, không nợ ai và cho ai vay.

Về nguyên nhân ly hôn: Chị và anh Th bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống không hạnh phúc.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Về con chung: Chị có nguyện vọng được nuôi con là cháu Đàm Thị A2 - Sinh ngày 29/6/2012 không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị đơn anh Đàm Văn Th trình bày: Anh và chị Trần Thị V lấy nhau năm 2009 có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã TL – huyện TK - tỉnh Nghệ An, quá trình chung sống anh và chị Trần Thị V có 02 con chung là cháu Đàm Nhật A1 – Sinh ngày 08/12/2010 và cháu Đàm Thị A2- Sinh ngày 29/6/2012.

Về tài sản chung: Anh và chị V không có tài sản chung.

Về nợ chung: Anh và chị V không vay ai và cho ai vay.

Nay vợ chồng không còn tình cảm nên anh đồng ý ly hôn với chị V.

Về con chung: Anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu là cháu Đàm Nhật A1 – Sinh ngày 08/12/2010 và cháu Đàm Thị A2- Sinh ngày 29/6/2012. Anh không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vì anh chị không có tài sản chung.

***Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án cụ thể:

-Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị V và anh Đàm Văn Th.

-Về con chung: Giao cháu Đàm Thị A2– Sinh ngày 29/06/2012 cho chị Trần Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.. Giao cháu Đàm Nhật A1 – Sinh ngày 08/12/2010 cho anh Đàm Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con do cho chị V và anh Th vì hai bên đương sự không yêu cầu. Hai bên đương sự đều có quyền đi lại thăm con chung.

-Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết vì đương sự không có tài sản chung.

-Về án phí: Chị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc Ly hôn giữa chị Trần Thị V và anh Đàm Văn Th.

[2] Về tư cách chủ thể: Chị Trần Thị V khởi kiện xin ly hôn anh Đàm Văn Th nên chị Trần Thị V là nguyên đơn, anh Đàm Văn Th là bị đơn trong vụ án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của chị V: Cuộc hôn nhân giữa chị V và anh Th là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Về nguyên nhân ly hôn: do vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng nhiều mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân được 03 năm. Xét cuộc hôn nhân giữa chị V và anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Đồng thời quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa anh Th và chị V đều thỏa thuận nhất trí ly hôn, sự thỏa thuận này hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và đạo đức xã hội cần được công nhận.

[4] Về con chung: Nguyên đơn chị V có nguyện vọng được nuôi con là cháu Đàm Thị Ngọc Trâm- Sinh ngày 29/6/2012. Bị đơn anh Th có nguyện vọng được nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu là cháu Đàm Nhật A1 – Sinh ngày 08/12/2010 và cháu Đàm Thị A2- Sinh ngày 29/6/2012.

Xét nguyện vọng của chị V: Chị V có công ăn việc làm, thu nhập ổn định, anh Th nghề nghiệp chính là làm ruộng nếu giao cả hai cháu cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo, đồng thời cháu Đàm Nhật A1 – Sinh ngày 08/12/2010 có nguyện vọng được ở với bố là anh Th. Do vậy, để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu A2 và cháu A1 phát triển và trưởng thành cần giao cháu Đàm Thị A2- Sinh ngày 29/6/2012 cho chị Trần Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Đàm Nhật A1 – Sinh ngày 08/12/2010 cho anh Đàm Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Th và chị V vì hai bên không yêu cầu.

Chị V và anh Th, cũng như các thành viên trong gia đình có các quyền và nghĩa vụ đối với cháu A2 và cháu A2 theo quy định.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, chị Trần Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định.

[7] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN tại phiên tòa là phù hợp.

*Vì các lẽ trên.*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

**Tuyên xử:**

**1, Về quan hệ vợ chồng**: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị V và anh Đàm Văn Th.

**2, Về con chung:** Giao cháu Đàm Thị A2- Sinh ngày 29/6/2012 cho chị Trần Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Th vì chị V không yêu cầu.

Giao cháu Đàm Nhật A1 – Sinh ngày 08/12/2010 cho anh Đàm Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị V vì anh Th không yêu cầu.

Chị V và anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Anh Th cũng như các thành viên trong gia đình không được cản trở chị V thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A1.

Chị V cũng như các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Th thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A2.

**3, Về tài sản chung:** Không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Trần Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị V đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0007270 ngày 14 tháng 06 năm 2018.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị*

*cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án  Th hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Án xử công khai có mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND;
- UB xã;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

**Hoàng Kim Tuấn**